

Số: 77/BC-UBND

Phú Tân, ngày 06 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trong Quý I/2024

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện về chuyển đổi số huyện Tân Phú Đông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2022 về chuyển đổi số xã Phú Tân đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 29/01/2024 của UBND xã về chuyển đổi số xã Phú Tân năm 2024.

Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương, trong quý I/2024 đã triển khai trong tất cả cán bộ, công chức 01 cuộc có 41 lượt người tham dự.

Tiếp tục duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số xã, Tổ công nghệ số cộng đồng xã và Tổ công nghệ số cộng đồng 04 ấp.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Kết quả và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể:

- Có 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau (trang thông tin điện tử, Dịch vụ công trực tuyến,...).
- Trên 80% hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của xã (mức độ 3: 33/59 hs, đạt 55,9%; mức độ 4: 17/59 hs đạt 28,8%).
- 60% TTHC được tích hợp trên cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tối thiểu 95% văn bản được ký theo quy định và trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử trên môi trường mạng (trừ văn bản mật).
- 60% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ của Chính quyền số cung cấp.

- Tối thiểu 40% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong đó tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 10% trở lên. Chưa thực hiện được do xã chưa có hóa đơn điện tử.

2. Kết quả thực hiện phát triển Chính quyền số

2.1 Hạ tầng kỹ thuật

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị được trang bị máy tính:

- Có 21/22 cán bộ, công chức được trang bị máy tính, đạt tỉ lệ 100%.

- Hệ thống cáp quang của mạng VNPT đã được đấu nối vào UBND xã, đảm bảo các máy được kết nối internet là 21 máy đạt tỉ lệ 100%.

- Các trang thiết bị máy tính, thiết bị mạng, hệ thống mạng nội bộ (LAN) được đầu tư từ nguồn dự án của Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh đều được xã khai thác sử dụng hiệu quả

- Ủy ban nhân dân xã còn hợp đồng với đơn vị VNPT lắp đặt đường truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh để tổ chức các buổi hội nghị trực tuyến do Tỉnh tổ chức.

- Ủy ban nhân dân xã được trang bị 01 máy scan đặt tại bộ phận văn thư để sử dụng, đáp ứng nhu cầu số hóa văn bản.

b) Tổng số máy tính của cơ quan, đơn vị (bao gồm máy tính để bàn và máy tính xách tay):...

- Thiết bị phần cứng:

Số thứ tự	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng			
			Tổng số	Trong đó(*)		
				Trang bị trước 5 năm	Hư hỏng không SD được	Mới trang bị trong năm
	Máy chủ chuyên dụng	Cái				
	Máy chủ lắp ráp	Cái				
	Router	Cái				
	Switch	Cái				
	Máy vi tính để bàn (PC)	Cái	37	35		02
	Máy tính xách tay	Cái	01	01		
	Máy in	Cái	30	25		05
	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái		0		
	Máy chiếu (Projector)	Cái		0		

0	Thiết bị lưu điện (UPS)	Cái		0		
1	Máy Scan	Cái	01	01		
2	Máy photocopy	Cái				

- Tổng số máy tính kết nối internet băng thông rộng (ADSL): 35

- Tổng số máy tính không kết nối internet vì lý do an ninh: 02

- Mạng nội bộ (LAN): có không

Tổng số máy tính kết nối: 01

- Mạng diện rộng (WAN): có không

Số lượng máy tính kết nối: 34

ADSL : Tốc độ : 100Mbs

Dialup : Tốc độ :.....

Leased Line : Tốc độ :.....

Cáp quang (FTTH) : Tốc độ : 100 Mbps

- Cơ quan, đơn vị sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng:

có không

2.2. Các ứng dụng, dịch vụ

Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, cụ thể như sau:

a) Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH)

- Quy trình xử lý văn bản đi/đến: *Đã thực hiện đúng và đầy đủ quy trình xử lý văn bản đi và đến theo hướng dẫn tại Quy chế quản lý, sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.*

- Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị: 93

- Tổng số văn bản đến của cơ quan, đơn vị: 277

- Số lượng văn bản được trao đổi trên hệ thống QLVB&ĐH: 93

+ Văn bản đi được phát hành trên phần mềm/Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị (trừ văn bản mật): 93

+ Văn bản đi được ký số theo đúng giá trị pháp lý/Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị: 93

+ Tổng số lượng văn bản đi của cơ quan, đơn vị được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, không kèm văn bản giấy /Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị (trừ văn bản mật): 93

+ Tổng số văn bản đi được ký số của cơ quan, đơn vị: 93

+ Tổng số văn bản đi được ký số của cá nhân: 93

+ Văn bản đến được số hóa, tiếp nhận và xử lý trên phần mềm/Tổng số văn bản đến của cơ quan, đơn vị: 277/277

+ Tổng số văn bản đến được tiếp nhận, số hóa có ký số đúng theo giá trị pháp lý/Tổng số văn bản đến được số hóa của cơ quan: 0/277

- Chế độ in số công văn đi, đến định kỳ số lần/tháng: 06 tháng/lần

b) Thư điện tử (..... @tiengiang.gov.vn)

- Tổng số hộp thư điện tử đã được cấp: 21

- Tỷ lệ số hộp thư điện tử được cấp/tổng số cán bộ, công chức: 100%

- Tỷ lệ hộp thư điện tử thường xuyên sử dụng trong công việc: 95%

c) Một cửa điện tử

- Hồ sơ được cập nhật và xử lý trên phần mềm/Tổng số hồ sơ tiếp nhận của cơ quan, đơn vị: 59/59.

- Hồ sơ giải quyết và trả kết quả (đúng hạn hoặc trước hạn)/Tổng số hồ sơ cập nhật và xử lý trên phần mềm: 59/59 hs, đạt 100% (không có hồ sơ trễ hạn).

d) Chữ ký số

- Tổng chữ ký số được cấp: 04

+ Cấp cho cơ quan, tổ chức: 01

+ Cấp cho cá nhân: 03

đ) Phần mềm chuyên ngành

- Các phần mềm chuyên ngành sử dụng: Phần mềm quản lý CBCC; phần mềm quản lý Tài Chính - Kế Toán, Quản lý tài sản công, quản lý tiền lương; ...

- Đơn vị triển khai: VNPT, VIETTEL, công ty phần mềm Misa,...

e) Phần mềm đang sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước

- Tên ứng dụng: ...

- Các chức năng/tính năng chính:...

g) Hội nghị truyền hình trực tuyến

- Tổng số điểm kết nối: 01

- Số lượng cuộc họp trực tuyến được tổ chức: 02

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp

a) Trang Thông tin điện tử

- Trang thông tin điện tử: Có Không

- Cung cấp thông tin trên Trang Thông tin điện tử (TTĐT): chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu tổ chức; thông tin liên hệ; văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển; thông tin dự án,

hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công; thông tin báo cáo, thống kê; danh bạ CBCC có thẩm quyền; chuyên mục lấy ý kiến góp ý dự thảo; liên kết với trang DVC trực tuyến của tỉnh; chuyên mục hỏi đáp; lịch công tác tuần; hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành.

Trang thông tin điện tử xã là nơi tuyên truyền các đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, cung cấp những thông tin chính thống giới thiệu con người, tiềm năng, cơ chế chính sách, các dịch vụ hành chính công trực tuyến và các thông tin phản ánh hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong xã.

- Số tin, bài được đăng tải trên Trang TTĐT: 10-20 tin, bài/tháng

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- DVCTT mức độ 2 trở lên: 01/156 TTHC đạt 0,06%

- DVC TT mức độ 3/Tổng số TTHC của cơ quan: 82/156 TTHC đạt 52,6%

- DVC TT mức độ 4/Tổng số TTHC của cơ quan: 73/156 TTHC đạt 46,8%

- Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ: 8/156 TTHC, đạt tỷ lệ 5,13%

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4: 50/59 hồ sơ, đạt tỷ lệ: 84,7% (không tính các thủ tục ở lĩnh vực công chứng, chứng thực)

c) Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích

- TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 01/05TTHC.

- Hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: 0/0 hồ sơ TTHC, đạt tỷ lệ: 0%

- Kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI: 05/59 hs, đạt tỷ lệ: 8,4%.

2.4. Nhân lực công nghệ thông tin

Hiện nay ở xã chưa có công chức chuyên trách về công nghệ thông tin chủ yếu là kiêm nhiệm nên trình độ, kỹ năng ứng dụng còn rất nhiều hạn chế; đa số cán bộ, công chức cấp xã chỉ có chứng chỉ tin học A, B hoặc các chứng chỉ chuẩn công nghệ thông tin làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện quản lý nhà nước tại địa phương.

- Số cán bộ chuyên trách về CNTT của đơn vị: 0

- Trình độ về CNTT của cán bộ chuyên trách: 0

- Số cán bộ được phân công kiêm nhiệm về CNTT của đơn vị: 01

- Trình độ về CNTT của cán bộ kiêm nhiệm: trình độ B tin học

- Quyết định phân công công chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm CNTT: UBND xã đã ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 V/v phân công công chức phụ trách phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng xã Phú Tân.

Đánh giá hiện trạng về việc bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ ứng dụng CNTT, cụ thể như: cơ cấu tổ chức quản lý CNTT; trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT của các cán bộ chuyên trách, cán bộ, công chức ứng dụng CNTT..., cụ thể như sau:

- Tổng chi ngân sách cho ứng dụng CNTT trong quý (triệu đồng): 0 đồng.
- Tổng chi mua sắm phần cứng trong quý (triệu đồng): 0
- Tổng chi mua sắm/xây dựng phần mềm trong quý (triệu đồng): 0 đồng.

2.5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

- Hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tại cơ quan, đơn vị:

Mạng LAN được bảo vệ bởi hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép: Có Không.

Tổng số máy tính được trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền: 36

Tổng số máy tính được UBND tỉnh trang bị phần mềm diệt virus bản quyền: 06

Tổng số máy tính cơ quan, đơn vị tự trang bị phần mềm diệt virus bản quyền: 30

Tổng số máy tính được trang bị phần mềm diệt virus miễn phí: 0

Có sử dụng hệ thống cảnh báo truy cập trái phép: Có Không

Mạng LAN của cơ quan, đơn vị có hệ thống an toàn dữ liệu:

T	Giải pháp	Có	Không
	Băng từ	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
	Tủ đĩa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
	SAN	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
	NAS	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
	DAS	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
	Giải pháp khác (Ghi rõ tên giải pháp)		<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Một cơ quan được coi là có hệ thống an ninh mạng nếu mạng LAN của cơ quan đó có lắp đặt thiết bị an ninh mạng chung (không tính các thiết bị, phần mềm dùng riêng cho từng máy).

- Hệ thống an toàn báo cháy, nổ tại phòng máy chủ: Có Không
- Hệ thống an toàn chống sét tại phòng máy chủ: Có Không

3. Phát triển kinh tế số

a) Kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử (TMĐT) với doanh nghiệp phân phối truyền thống (offline), nhà sản xuất; triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số.

b) Triển khai mạnh mẽ các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển TMĐT đẩy mạnh phát triển nền kinh tế số; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục - đào tạo thuộc phạm vi quản lý. Khuyến khích các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các hình thức miễn, giảm phí, khuyến mãi, giảm giá,... đối với khách hàng khi sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

c) Phối hợp với các doanh nghiệp phát triển nền tảng TMĐT đẩy mạnh triển khai kế hoạch rà soát, lựa chọn các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia sàn TMĐT nhằm kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của xã.

d) Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh.

4. Phát triển xã hội số

a) Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng công dân số tại địa chỉ <https://congdanso.mic.gov.vn> và ứng dụng công dân số tỉnh Tiền Giang (ứng dụng TienGiangS).

b) Đẩy mạnh triển khai chữ ký số cá nhân (ưu tiên ký số từ xa theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Chính phủ) trong thực hiện DVC TT, đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản, hồ sơ điện tử trên môi trường mạng.

c) Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là DVC TT, các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, các dịch vụ số trong lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

- Chuyển đổi số vẫn là một khái niệm mới, nhiều cán bộ, đảng viên chưa hiểu thấu đáo, còn lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Việc chuyển đổi số là việc làm mới cán bộ, công chức xã chưa được tập huấn về chuyên môn nên công tác tuyên truyền vận động còn gặp nhiều khó khăn.

- Còn một bộ phận người dân hoàn cảnh kinh tế khó khăn việc sử dụng điện thoại thông minh, dịch vụ 3G, 4G còn hạn chế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUÝ II/2024

Tiếp tục tuyên truyền Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Tỉnh ủy Tiền Giang; Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Tiếp tục triển khai trong cán bộ, công chức thực hiện các hoạt động của chính quyền diễn ra trên không gian mạng, trên môi trường số và dữ liệu số. Các giao tiếp giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp diễn ra trên không gian mạng. Quản lý xã hội số, đảm bảo cho các giao dịch trên không gian mạng an ninh, an toàn.

- Tuyên truyền vận động người dân, doanh nghiệp tham gia vào quá trình chuyển đổi số, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giao tiếp, giải quyết thủ tục hành chính, trong khám và điều trị bệnh, thanh toán kinh phí. v.v.

- Hướng dẫn người dân có khả năng truy nhập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy suất nguồn gốc, giảm phụ thuộc vào các khâu trung gian; hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể dễ dàng sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến, chuyển dịch hoàn toàn lên môi trường số, ưu tiên các thủ tục hành chính có số lượng phát sinh nhiều hồ sơ như đất đai, xây dựng, phí và lệ phí,...

Trên đây là báo cáo kết quả, tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Tỉnh ủy Tiền Giang; Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của Ủy ban nhân dân xã Phú Tân quý I năm 2024./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-TT;
- Lưu: VT, VH-XH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Nhất

